



VAI TRÒ CỦA PHÁP LUẬT CẠNH TRANH TRONG VẬN HÀNH THỊ TRƯỜNG ĐƠN NHẤT TẠI LIÊN MINH CHÂU ÂU VÀ KINH NGHIỆM CHO CỘNG ĐỒNG KINH TẾ ASEAN

Đồng Thị Huyền Nga*

Trường Đại học Luật, Đại học Huế, Đường Võ Văn Kiệt, Huế, Việt Nam

* Tác giả liên hệ: Đồng Thị Huyền Nga <ngadth@hul.edu.vn>

(Ngày nhận bài: 1-3-2021; Ngày chấp nhận đăng: 24-5-2021)

Tóm tắt. Trên cơ sở phân tích bốn trụ cột trong pháp luật cạnh tranh của Liên minh châu Âu bao gồm pháp luật về kiểm soát thoả thuận hạn chế cạnh tranh, lạm dụng sức mạnh thị trường, hoạt động mua bán sáp nhập và chống trợ cấp chính phủ, tác giả đánh giá vai trò của pháp luật cạnh tranh trong việc vận hành thị trường đơn nhất thành công nhất trên thế giới này. Từ đó, tác giả đề xuất hệ thống các giải pháp đồng bộ nhằm tận dụng kinh nghiệm của Liên minh châu Âu trong nhiệm vụ xây dựng thị trường nội khối cho Cộng đồng kinh tế ASEAN.

Từ khoá: pháp luật cạnh tranh, thị trường đơn nhất, Liên minh châu Âu, Cộng đồng Kinh tế ASEAN

Role of competition law in operating EU single market and experience for ASEAN Economic Community

Dong Thi Huyen Nga*

University of Law, Hue University, Vo Van Kiet St., Hue, Vietnam

* Correspondence to Dong Thi Huyen Nga <ngadth@hul.edu.vn>

(Received: March 1, 2021; Accepted: May 24, 2021)

Abstract. Analyzing four pillars of competition laws of the European Union: legislation on the controls of anti-competitive agreements, abuse of market power, mergers and acquisitions, and state aid control, the author assesses the role of competition laws in operating this world's most successful single market. Subsequently, the author proposes a system of comprehensive

solutions to take advantage of the European Union's experience in building the internal market for the ASEAN Economic Community.

Keywords: competition law, single market, European Union, ASEAN Economic Community

1. Đặt vấn đề

Xuyên suốt hành trình gần 30 năm hình thành và phát triển của Liên minh châu Âu (EU) [1], thị trường đơn nhất và pháp luật cạnh tranh luôn được thừa nhận và khẳng định là hai trụ cột chính cho quá trình hội nhập kinh tế tại khu vực này [2] để giờ đây EU trở thành biểu tượng cho sự thành công của hội nhập kinh tế vùng với rất nhiều thành tựu rực rỡ và là mục tiêu đầy tham vọng của rất nhiều khu vực kinh tế khác trên thế giới, bao gồm cả ASEAN.¹ Trong tầm nhìn đó, các quốc gia thành viên đã thống nhất thành lập Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC) với chiến lược thiết lập ASEAN trở thành một thị trường đơn nhất² phục vụ cho nhiệm vụ thúc đẩy hội nhập và phát triển kinh tế nội khối và nâng cao năng lực cạnh tranh của khu vực. Để vận hành và tận dụng thị trường đơn nhất vào quá trình hiện thực hoá mục tiêu đó, học hỏi kinh nghiệm của EU trong việc xây dựng khuôn khổ pháp luật cạnh tranh tương thích với đặc trưng kinh tế, chính trị, xã hội của ASEAN là yêu cầu tối cần thiết và vô cùng cấp bách.

2. Khái luận chung về thị trường đơn nhất

Thị trường đơn nhất là thuật ngữ dùng để chỉ một khối thương mại trong đó hầu hết các rào cản thương mại đã được dỡ bỏ (đối với hàng hóa) với một số chính sách chung về điều tiết sản phẩm, đồng thời các yếu tố sản xuất (vốn và lao động) cũng như doanh nghiệp và dịch vụ được tự do di chuyển. Mục tiêu của việc thiết lập thị trường đơn nhất chính là thúc đẩy sự tự do trong dòng di chuyển vốn, lao động, hàng hóa và dịch vụ giữa các thành viên trong toàn khối được dễ dàng như trong chính từng thành viên [3]. Trong thị trường đơn nhất, các rào cản vật lý (biên giới), kỹ thuật (tiêu chuẩn) và tài khóa (thuế) giữa các quốc gia thành viên được xóa bỏ ở mức tối đa có thể bởi vì chúng là những trở lực ngăn cản sự tự do di chuyển của bốn yếu tố sản xuất (hàng hóa, vốn, dịch vụ và người lao động). Thị trường chung thường được coi là giai đoạn đầu tiên hướng tới việc hình thành một thị trường duy nhất.

Tại EU, thị trường đơn nhất được hiểu là một lãnh thổ không có bất kỳ biên giới nội bộ hoặc các trở ngại pháp lý nào đối với sự di chuyển tự do của hàng hóa và dịch vụ. Trong thị

¹ AEC Blueprint 2025 khẳng định «ASEAN công nhận hội nhập kinh tế khu vực là một tiến trình năng động và liên tục giữa các nền kinh tế cũng như giữa môi trường trong nước và ngoài nước» và «Tầm nhìn chung được quy định trong Kế hoạch Tổng thể AEC 2015 vẫn còn nguyên giá trị. AEC 2025 sẽ dựa vào Kế hoạch Tổng thể AEC hiện tại gồm 5 đặc trưng tác động qua lại lẫn nhau là: (i) Một nền kinh tế hội nhập cao và gắn kết ...».

² Đoạn 6, Chương II, ASEAN Economic Community Blueprint 2007, <https://asean.org/wp-content/uploads/archive/5187-10.pdf> (truy cập ngày 12/12/2020).

trường đơn nhất của EU, các yếu tố con người, hàng hóa, dịch vụ và vốn có thể di chuyển tự do. Thị trường đơn nhất tại EU được xác định là trọng tâm của dự án châu Âu bởi vì thị trường đơn nhất tại EU hướng đến kích thích cạnh tranh và thương mại, cải thiện hiệu quả, nâng cao chất lượng và giúp giảm giá cả trên thị trường, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và làm cho các hoạt động kinh doanh, thương mại, xã hội, văn hoá của các doanh nghiệp và người tiêu dùng châu Âu trở nên dễ dàng hơn.

3. Nội dung pháp luật cạnh tranh của Liên minh châu Âu

Pháp luật cạnh tranh EU là hệ thống các quy định về cạnh tranh được áp dụng cho toàn bộ lãnh thổ của EU.³ Pháp luật cạnh tranh EU giữ vai trò trung tâm trong hệ thống các công cụ kiểm soát thị trường nội khối, tổ chức thị trường nội địa ở các quốc gia thành viên, từ đó thúc đẩy hội nhập kinh tế vùng. Để phục vụ cho việc hoàn thành mục tiêu này, pháp luật cạnh tranh EU được tổ chức thành bốn trụ cột chính, bao gồm:

- Thoả thuận hạn chế cạnh tranh, hoặc các hành vi thông đồng và phản cạnh tranh có tính chất tương tự theo Điều 101, Hiệp ước về Hoạt động của Liên minh Châu Âu (TFEU);
- Hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường theo Điều 102, TFEU;
- Hoạt động sáp nhập, mua lại và liên doanh theo luật sáp nhập của Liên minh Châu Âu theo Quy định về Sáp nhập (Merger Regulation – EC) số 139/2004 và Quy định thực thi số 1269/2013;
- Trợ cấp chính phủ hướng đến kiểm soát các khoản viện trợ trực tiếp và gián tiếp do các Quốc gia Thành viên của Liên minh Châu Âu cung cấp cho các doanh nghiệp theo Điều 107 của TFEU;

3.1. Pháp luật của Liên minh châu Âu về kiểm soát thoả thuận hạn chế cạnh tranh và các hành vi có tính chất thông đồng khác

Hoạt động kiểm soát thoả thuận hạn chế cạnh tranh tại EU được quy định tại Điều 101, TFEU. Khoản 1 điều này nêu rõ các thoả thuận hạn chế cạnh tranh, đặc biệt là cartel giữa các chủ thể kinh doanh trên thị trường, quyết định của hiệp hội các chủ thể kinh doanh hoặc bất cứ hành động mang tính phối hợp nào ảnh hưởng đến thương mại giữa các quốc gia thành viên và đồng thời có mục đích hoặc hậu quả khiến cạnh tranh trên thị trường nội khối bị ngăn cản, bị giới hạn hoặc bị biến dạng sẽ bị xem là không tương thích với thị trường nội khối, ví dụ (nhưng không giới hạn) như thoả thuận trực tiếp hoặc gián tiếp cố định giá mua/giá bán hoặc các điều

³ Communication from the Commission to the European Parliament and the Council, Ten years of antitrust enforcement under Regulation 1/2003: achievement and future perspectives, COM (2014) 453, para 23; and Commission staff working document, Enhancing competition enforcement by the Member States' competition authorities: institutional and procedural issues, SWD (2014) 231, para 5.

kiện thương mại khác; thoả thuận giới hạn hoặc kiểm soát sản phẩm, thị trường, phát triển khoa học kỹ thuật hoặc đầu tư; thoả thuận phân chia thị trường hoặc nguồn cung ứng nguyên liệu; thoả thuận áp dụng các điều kiện khác nhau cho các giao dịch như nhau đối với các doanh nghiệp khác và đặt họ vào các vị trí bất lợi trong cạnh tranh; thoả thuận buộc đối tác giao kết hợp đồng phải chấp nhận các nghĩa vụ bổ sung mà xét về bản chất hoặc mục đích thương mại, nghĩa vụ đó không liên quan đến đối tượng của hợp đồng đó. Hình thức của các thoả thuận không phải là yếu tố quyết định đến tính pháp lý của hành vi và mọi hành vi thoả thuận bị cấm theo Điều 101, TFEU, đều sẽ bị xem là vô hiệu (Khoản 2), Khoản 3, Điều 101, TFEU, cũng nêu ra các trường hợp mà các thoả thuận nói trên được cho hưởng loại trừ trách nhiệm pháp lý. Theo đó, các doanh nghiệp có thể được hưởng miễn nếu thoả thuận của họ mang tính «*cứu chuộc*» chẳng hạn như giúp cải tiến việc sản xuất hoặc phân phối hàng hóa, đóng góp vào tiến bộ kỹ thuật, phát triển kinh tế hoặc cho phép người tiêu dùng được chia sẻ lợi ích một cách công bằng, nhưng đồng thời các thoả thuận được miễn trừ không được phép đặt ra các hạn chế đối với các bên cũng như không cho họ khả năng loại bỏ cạnh tranh.

3.2. Pháp luật của Liên minh châu Âu về kiểm soát lạm dụng vị trí thống lĩnh

Hoạt động kiểm soát lạm dụng vị trí thống lĩnh tại EU được quy định tại Điều 102, TFEU. Về mặt logic, vị trí thống lĩnh không mang tính phản cạnh tranh theo định nghĩa, nhưng một hoặc một số doanh nghiệp có thể hạn chế cạnh tranh nếu nó có được vị trí vững chắc trên thị trường. Theo đó, Điều 102, TFEU, quy định rằng bất cứ doanh nghiệp nào lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường nội khối hoặc một phần quan trọng thị trường nội khối thì sẽ bị cấm vì không tương thích với thị trường nội khối bởi vì nó tác động đến thương mại giữa các quốc gia thành viên. Các hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh được Điều 102, TFEU, liệt kê (nhưng không giới hạn), ví dụ: trực tiếp hoặc gián tiếp áp đặt giá mua hoặc giá bán không công bằng hoặc các điều kiện kinh doanh không công bằng khác; hạn chế sản xuất, thị trường hoặc phát triển kỹ thuật; áp dụng các điều kiện khác nhau đối với các giao dịch như nhau với các bên giao dịch khác, do đó đặt họ vào thế bất lợi trong cạnh tranh; thực hiện việc giao kết hợp đồng nhưng buộc đối tác phải chấp nhận các nghĩa vụ bổ sung mà về bản chất hoặc theo mục đích thương mại, không có mối liên hệ nào với đối tượng của hợp đồng đó.

3.3. Pháp luật của Liên minh châu Âu về kiểm soát hoạt động sáp nhập

Cơ sở pháp lý cho hoạt động Kiểm soát sáp nhập của EU là EC số 139/2004 và Quy định thực thi số 1269/2013. Các quy định này cấm các hoạt động sáp nhập có tác động làm suy giảm đáng kể sự cạnh tranh trong thị trường đơn nhất hoặc trong một phần đáng kể của thị trường này và do đó được xem là không tương thích với thị trường nội khối. Ủy ban châu Âu phải được thông báo về kế hoạch sáp nhập nếu doanh thu hàng năm của các doanh nghiệp tham gia sáp nhập vượt quá ngưỡng cụ thể. Các quy tắc này áp dụng ngay cả đối với các công ty có trụ sở bên ngoài EU nếu họ kinh doanh trên thị trường nội khối. Việc không thông báo về thương

vụ sáp nhập có thể dẫn đến hậu quả phải gánh chịu các khoản phạt. Các quy tắc sáp nhập của EU sẽ được áp dụng khi các giao dịch sáp nhập diễn ra được thực hiện trên khuôn khổ khu vực nhưng sẽ không được áp dụng khi thực thi kiểm soát hoạt động sáp nhập nếu các thương vụ này diễn ra trong khuôn khổ nội bộ một quốc gia thành viên. Ngoài ra, Ủy ban châu Âu cũng có thể cho phép các doanh nghiệp được thực hiện sáp nhập nhưng kèm theo điều kiện buộc các bên cam kết thực thi các biện pháp để sửa chữa hoặc khắc phục các biến dạng cạnh tranh có thể xảy ra.

3.4. Pháp luật của Liên minh châu Âu về chống trợ cấp chính phủ

Hoạt động chống trợ cấp chính phủ tại EU được quy định từ Điều 107 đến Điều 109, TFEU. Tuy nhiên, đây chỉ là hệ thống các quy định khung, các quy tắc cụ thể và cách giải thích cũng như áp dụng được thiết lập bởi các văn bản pháp luật thứ cấp, ví dụ như các chỉ thị, quy định, văn bản liên lạc giữa các cơ quan, hướng dẫn và bao gồm cả án lệ của EU. Để một biện pháp được coi là trợ cấp chính phủ, biện pháp đó cần phải đáp ứng các tiêu chí sau: phải có sự can thiệp của nhà nước hoặc sử dụng các nguồn lực của nhà nước (ví dụ: thông qua viện trợ không hoàn lại hoặc giảm thuế); kết quả phải mang lại cho chủ thể nhận một lợi thế trên cơ sở chọn lọc; cạnh tranh phải đã hoặc có thể bị biến dạng/bóp méo và có khả năng ảnh hưởng đến thương mại giữa các quốc gia thành viên. Các quốc gia thành viên được yêu cầu thông báo cho Ủy ban châu Âu về bất kỳ kế hoạch nào để cấp hoặc thay đổi trợ cấp chính phủ trừ khi nó thuộc một trong các trường hợp được quy định trong Quy chế Miễn trừ theo khối chung (ví dụ: viện trợ đầu tư và việc làm cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ) hoặc thuộc nguyên tắc «De Minimis» (Nguyên tắc không đáng kể). Cũng cần lưu ý rằng, gây tác động đến thương mại giữa các quốc gia thành viên cũng là yếu tố cần xem xét khi xác định trợ cấp chính phủ tương tự như phương thức kiểm soát thỏa thuận hạn chế cạnh tranh và lạm dụng vị trí thống lĩnh. Tuy nhiên, các hướng dẫn liên quan đến cách đánh giá tác động đến thương mại nêu trong Điều 101 và Điều 102, TFEU, sẽ không được áp dụng cho việc xem xét trợ cấp chính phủ; thay vào đó là ngưỡng tối thiểu 200.000 € trong ba năm tài chính.⁴

4. Vai trò của pháp luật cạnh tranh đối với yêu cầu vận hành thị trường đơn nhất tại Liên minh châu Âu

4.1. Vai trò của pháp luật cạnh tranh đối với hội nhập kinh tế nội khối

Vai trò của pháp luật cạnh tranh đối với hội nhập kinh tế nội khối tại EU thể hiện qua khả năng của pháp luật cạnh tranh trong việc xoá bỏ các hành vi phản cạnh tranh có tác động làm chia cắt thị trường hay chính xác hơn là tác động làm loại bỏ sự thống nhất toàn vẹn của thị

⁴ Commission Regulation (EC) No 1998/ 2006 of 15 December 2006 on the application of Articles 87 and 88 of the Treaty to *de minimis* aid [2006] OJ L379/ 5.

trường đơn nhất. Nội dung này được phản ánh trong nhiều vụ việc mà Tòa án Công lý châu Âu (ECJ) đã thụ lý và giải quyết, nhưng rõ ràng và mang tính tiên phong nhất chính là án lệ *Consten & Grundig*.⁵ Trong án lệ này, Grundig đã ký hợp đồng với Consten để Consten được độc quyền phân phối các sản phẩm của Grundig trên thị trường Pháp. Theo đó, Grundig đồng ý không cung cấp sản phẩm của mình cho bất kỳ doanh nghiệp nào ở Pháp và cấm các nhà phân phối của Grundig bán các sản phẩm của nó (trực tiếp hay gián tiếp) vào thị trường Pháp. Đồng thời Grundig đã chuyển nhượng quyền sở hữu nhãn hiệu GINT của mình cho Consten trên thị trường Pháp. Tòa án Công lý châu Âu đã khẳng định mục đích của Khoản 1, Điều 81, Hiệp ước thành lập Cộng đồng châu Âu (TEC), nay là Điều 101, TFEU, là bảo vệ cạnh tranh trên thị trường chung châu Âu, xóa bỏ các hàng rào cản trở sự thâm nhập thị trường một quốc gia thành viên do các doanh nghiệp dựng lên, được áp dụng với cả các thỏa thuận theo chiều dọc. Điều đó có nghĩa là một thỏa thuận chia cắt thị trường, hạn chế cạnh tranh đối với một nhãn hiệu nhất định của một loại sản phẩm là đủ lý do để bị áp dụng Điều 81(1), nay là Điều 101, TFEU mà không cần các phân tích lợi ích thúc đẩy cạnh tranh giữa các nhãn hiệu khác nhau của một loại sản phẩm [4].

4.2. Vai trò của pháp luật cạnh tranh đối với tự do hoá thị trường

Cạnh tranh là một trong ba nguyên tắc cơ bản và đồng thời là động lực to lớn thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế thị trường. Việc ủng hộ cạnh tranh, vì vậy, chính là công cụ thiết yếu đảm bảo cho thị trường đơn nhất tại EU đạt được mục đích của mình. Tuy nhiên, vì nhiều lý do, tại EU trước những năm 1980, một số dịch vụ thiết yếu như năng lượng, viễn thông, giao thông, cung ứng nước sạch và bưu chính vẫn được kiểm soát bởi các cơ quan công quyền hơn là các doanh nghiệp ngoài quốc doanh ở một số quốc gia thành viên. Thông qua và nhờ pháp luật cạnh tranh, thị trường các dịch vụ thiết yếu đã từng bước được tự do hoá với việc gỡ bỏ các quy định hạn chế quyền tiếp cận thị trường dịch vụ thiết yếu của các quốc gia thành viên mà khởi đầu chính là án lệ từ vụ việc của Paul Corbeau về vấn đề phá vỡ các quy định thiết lập vị trí độc quyền cho doanh nghiệp công ích và tự do hoá dịch vụ bưu chính tại Bỉ.⁶ Trong vụ việc này, ECJ đã kết luận rằng Luật số 26, December 1956, của Bỉ, đã vi phạm Điều 106, TFEU, bởi vì thị trường dịch vụ bưu chính tại quốc gia này đã bị độc quyền quá mức cần thiết để bảo đảm lợi ích kinh tế chung. Nội dung chính trong phân tích của Tòa án là các dịch vụ bưu chính bao gồm nhiều loại thị trường, một số trong số đó phải do nhà nước điều hành để đảm bảo rằng mọi người dân đều có thể sử dụng bưu chính, nhưng các dịch vụ giá trị gia tăng khác được cung

⁵ ECJ, Joined Cases 56 & 58/64, *Consten & Grundig v Commission*, 13/7/1996, [1966] ECR 299, p. 340.

⁶ Case C-320/91, Paul Corbeau là một công dân Bỉ kinh doanh dịch vụ thu nhận và chuyển thư tại thành phố Liège, Bỉ. Các dịch vụ mà ông cung cấp khác với dịch vụ bưu chính của quốc gia này. Dịch vụ bưu chính mà ông Corbeau cung cấp bao gồm dịch vụ giao hàng tận nơi, dịch vụ nhanh hơn với chi phí rẻ hơn. Tuy nhiên, Luật số 26 December 1956 của Bỉ quy định cho phép doanh nghiệp Régies des Postes độc quyền cung ứng tất cả các dịch vụ bưu chính trong lãnh thổ Bỉ đối lại Régies des Postes có nghĩa vụ phải đảm bảo cung ứng các dịch vụ bưu chính cơ bản trong lãnh thổ Bỉ với mức giá thống nhất.

ứng bởi các doanh nghiệp (ví dụ như giao hàng trong ngày) nên được vận hành bởi nhiều đối thủ cạnh tranh để mang lại cho người tiêu dùng nhiều sự lựa chọn hơn. Phán quyết của ECJ trong vụ việc của Paul Corbeau cũng thể hiện rõ quan điểm rằng bất kỳ sáng kiến luật nào của EU sẽ không chỉ tăng cường cạnh tranh mà còn phải bảo vệ việc cung ứng các dịch vụ phổ biến nói chung trên toàn lãnh thổ EU. Tinh thần của cách tiếp cận của ECJ đã được tuân theo và phản ánh rõ nét trong hai chỉ thị về bưu chính rất quan trọng của EU: Chỉ thị Bưu chính thứ nhất và Chỉ thị Bưu chính thứ hai. Hai chỉ thị này đã xác định 'lĩnh vực dành riêng' mà các quốc gia thành viên có thể bảo vệ khỏi cạnh tranh, để lợi nhuận thu được từ lĩnh vực đó có thể tài trợ cho việc cung cấp các dịch vụ phổ thông. Hai chỉ thị này đã cụ thể hoá thành quả mà pháp luật cạnh tranh thu được trong nhiệm vụ tự do hoá thị trường theo hướng xác định và thu hẹp phạm vi các khu vực thị trường được bảo lưu khỏi cạnh tranh. Thị trường dịch vụ bưu chính sau đó được tự do hoá khoảng 16% doanh thu [5].

4.3. Vai trò của pháp luật cạnh tranh đối với nhiệm vụ bảo vệ người tiêu dùng

Thành công hay thất bại của thị trường đơn nhất phụ thuộc vào chính người tiêu dùng và tính sẵn sàng chi tiêu vào hoạt động mua bán hàng hoá và nhận cung ứng dịch vụ xuyên biên giới của họ [6]. Chính vì vậy, việc bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng luôn được xem là một trong những ưu tiên hàng đầu khi thiết lập khung pháp lý cho thị trường đơn nhất tại EU. Trong số các thiết chế đã và đang tồn tại hiện nay, pháp luật cạnh tranh luôn giữ vai trò trung tâm. Xét về phương diện nội dung, các quy định về cạnh tranh đều được xây dựng trên nguyên tắc pháp luật cạnh tranh phải là công cụ thực thi nhiệm vụ bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Đơn cử các trường hợp miễn trừ cho hành vi thoả thuận hạn chế cạnh tranh được quy định tại Khoản 3, Điều 101, TFEU. Để giải thích cho trường hợp miễn trừ này, Uỷ ban châu Âu cũng đã nêu rõ rằng «mục tiêu của Điều 81 (nay là Điều 101, TFEU) là bảo vệ cạnh tranh trên thị trường như một phương tiện nâng cao phúc lợi người tiêu dùng và đảm bảo phân bổ nguồn lực hiệu quả».⁷ Khẳng định này của Uỷ ban châu Âu cũng được thể hiện và lặp lại trong các văn bản hướng dẫn của cơ quan này, ví dụ như Hướng dẫn cho Điều 102 TFEU, Nguyên tắc Kiểm soát thoả thuận hạn chế cạnh tranh theo chiều dọc, Nguyên tắc Chuyển giao công nghệ, Nguyên tắc kiểm soát Sáp nhập ... [7]. Về phương diện thực thi pháp luật, các cơ quan hành pháp tại EU cũng thể hiện sự thống nhất với quan điểm của Uỷ ban châu Âu trong việc áp dụng pháp luật cạnh tranh để bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Trong phân tích Điều 101 của TFEU vụ việc *Österreichische Postsparkasse AG*⁸ và vụ việc *GlaxoSmithKline*,⁹ Tòa án Chung khẳng định rằng quyền lợi của người tiêu dùng là mục tiêu chính của luật cạnh tranh. Chủ tịch của Tòa án Chung cũng đã

⁷ Paragraph 13 in Commission Notice: Guidelines on the application of Article 81(3) of the Treaty, OJ C 101/97, 27.4.2004

⁸ Án lệ *Österreichische Postsparkasse AG and Bank für Arbeit und Wirtschaft AG v. Commission of the European Communities*, joined cases T-231/01 and T-214/01 [2006].

⁹ Án lệ *GlaxoSmithKline Services Unlimited v. Commission of the European Communities*, Case T-168/01 [2006].

tuyên bố trong đoạn 145 phán quyết của vụ việc *IMS Health Inc.*¹⁰ rằng mục đích chính của Điều 102 của TFEU là ngăn chặn sự bóp méo cạnh tranh, và đặc biệt là để bảo vệ lợi ích của người tiêu dùng hơn là bảo vệ vị thế của các đối thủ cạnh tranh cụ thể. Tòa án Công lý châu Âu trong vụ việc của *Continental Can*¹¹ và vụ việc của *British Airways*¹² tuyên bố rằng Điều 102, TFEU, nhằm ngăn cấm không chỉ các hành động của các chủ trương chi phối, gây tổn hại trực tiếp cho người tiêu dùng mà còn cả những hành động gián tiếp gây thiệt hại cho người tiêu dùng thông qua việc tác động tiêu cực đến cơ cấu cạnh tranh.

5. Kinh nghiệm của Liên minh châu Âu về vận dụng pháp luật cạnh tranh trong yêu cầu xây dựng thị trường đơn nhất cho Cộng đồng kinh tế ASEAN

5.1. Xây dựng hệ thống chính sách cạnh tranh đồng bộ, hiệu quả, toàn diện – kinh nghiệm từ Liên minh châu Âu

Chính sách cạnh tranh được hiểu là tổng thể các biện pháp, công cụ vĩ mô của nhà nước nhằm đảm bảo tự do cạnh tranh và điều tiết cạnh tranh trong nền kinh tế, duy trì môi trường cạnh tranh công bằng, bình đẳng phù hợp với lợi ích chung của xã hội [8]. Chính sách cạnh tranh bao gồm nhiều bộ phận cấu thành, trong đó pháp luật cạnh tranh được xem là công cụ quan trọng nhất và là trung tâm trong cơ chế điều tiết cạnh tranh của một quốc gia [9]. Dựa vào mối quan hệ biện chứng của chính sách và pháp luật cạnh tranh, có thể nhận thấy rằng sự phát triển và đóng góp tích cực của pháp luật cạnh tranh vào vận hành thị trường đơn nhất tại EU chính là nhờ vào các chính sách cạnh tranh đồng bộ, hiệu quả và toàn diện.

Chính sách cạnh tranh tại EU được thiết kế để duy trì một nền kinh tế thị trường mở với cạnh tranh tự do tạo điều kiện cho việc phân bổ các nguồn lực một cách hiệu quả. Từ Điều 101 đến Điều 109 của TFEU, chính sách cạnh tranh dựa trên năm nguyên tắc chính [10]:

- Cấm các thực hành, thỏa thuận và liên kết có liên quan giữa các cam kết có thể ảnh hưởng đến thương mại giữa các quốc gia thành viên và ngăn chặn, hạn chế hoặc bóp méo cạnh tranh trong thị trường nội bộ;
- Nghiêm cấm việc lạm dụng vị trí thống lĩnh trong thị trường nội bộ, trong phạm vi có thể ảnh hưởng đến thương mại giữa các quốc gia thành viên;
- Giám sát phòng ngừa các vụ sáp nhập ảnh hưởng đến cạnh tranh trên phạm vi toàn khối, bằng cách chấp thuận hoặc cấm các liên kết dự kiến;

¹⁰ Án lệ *IMS Health Inc. v Commission of the European Communities*, Case T-184/01 R [2001].

¹¹ Án lệ *Europemballage Corporation and Continental Can Company Inc. v Commission of the European Communities*, Case 6-72 [1973].

¹² Án lệ *British Airways plc v Commission of the European Communities*, Case C-95/04 P [2007].

- Giám sát các khoản viện trợ được cấp bởi chính phủ các quốc gia thành viên, hoặc thông qua các nguồn lực của nhà nước dưới bất kỳ hình thức nào, có nguy cơ bóp méo cạnh tranh bằng cách ủng hộ các chủ trương nhất định hoặc sản xuất một số hàng hóa nhất định;
- Tự do hóa một số lĩnh vực mà các doanh nghiệp nhà nước hoặc tư nhân cho đến nay đã phát triển theo hướng độc quyền, chẳng hạn như viễn thông, vận tải hoặc năng lượng;
- Tăng cường hợp tác quốc tế: EC hợp tác với các cơ quan cạnh tranh bên ngoài với mục tiêu thúc đẩy sự hội tụ của các công cụ và thực tiễn chính sách và cho phép hợp tác trong các hoạt động thực thi với các cơ quan tài phán khác.

Từ cách tiếp cận rất chi tiết, đồng bộ, toàn diện này của EU trong xây dựng chính sách cạnh tranh, AEC cần tiếp thu và thiết lập hệ thống chính sách cạnh tranh riêng phù hợp với đặc trưng kinh tế, chính trị, xã hội của khu vực. Tuy nhiên, đây là một nhiệm vụ lâu dài và đòi hỏi sự thận trọng cao. Do đó, theo quan điểm của người nghiên cứu, trong tương lai gần, AEC nên từng bước xác định chính xác các bộ phận cấu thành của chính sách cạnh tranh nội khối trước khi cụ thể hoá chính sách cạnh tranh. Các bộ phận cấu thành quan trọng nhất của chính sách cạnh tranh nên là:

- Bộ phận thứ nhất cần xác định một loạt các biện pháp của chính phủ nhằm nâng cao cạnh tranh hoặc hiệu quả của cạnh tranh trên thị trường, chẳng hạn như nói lỏng chính sách công nghiệp, tăng cường chính sách thương mại tự do hóa, thuận lợi hoá các điều kiện gia nhập và rời khỏi thị trường, giảm thiểu kiểm soát và can thiệp của chính phủ trong nền kinh tế và đẩy mạnh vai trò của các lực lượng thị trường, có cơ chế.
- Bộ phận thứ hai của chính sách cạnh tranh là pháp luật cạnh tranh, các quyết định tư pháp và các quy định đặc biệt nhằm ngăn chặn các hành vi kinh doanh phản cạnh tranh. Các quy định này tập trung vào việc kiểm soát các hành vi hạn chế thương mại (chẳng hạn, các thỏa thuận chống cạnh tranh và lạm dụng vị trí thống lĩnh) và sáp nhập phản cạnh tranh và cũng có thể bao gồm các điều khoản về các hành vi thương mại không công bằng.

5.2. Xây dựng cơ chế thực thi pháp luật cạnh tranh hoàn thiện – kinh nghiệm từ Liên minh châu Âu

Nếu xây dựng chính sách và pháp luật cạnh tranh thống nhất, hiệu quả và toàn diện là điều kiện cần thì xây dựng cơ chế thực thi pháp luật cạnh tranh hoàn thiện là điều kiện đủ để pháp luật cạnh tranh có thể phát huy được vai trò của mình trong vận hành thị trường chung tại EU. Cơ chế thực thi pháp luật cạnh tranh tại EU vừa đảm bảo cho môi trường cạnh tranh trên toàn thị trường đơn nhất được bảo vệ, vừa bảo đảm hài hoà với pháp luật của các quốc gia

thành viên. Đây cũng chính là những kinh nghiệm quý giá từ EU mà AEC có thể học hỏi để xây dựng mô hình cơ chế thực thi pháp luật cạnh tranh trong tương lai.

Về cơ chế thực thi pháp luật cạnh tranh cấp khu vực. Trước hết, AEC cần có cơ quan có thẩm quyền áp dụng pháp luật cạnh tranh trong điều tra, xử lý các hành vi phản cạnh tranh nhằm đảm bảo ngăn chặn và xử lý các hành vi phản cạnh tranh gây ảnh hưởng tiêu cực đến thị trường nội khối, cản trở thương mại giữa các quốc gia thành viên. Cơ quan này phải được trao đủ thẩm quyền để có thể tiến hành yêu cầu các chủ thể có liên quan đến từ các quốc gia thành viên hoặc thậm chí yêu cầu quốc gia thành viên cung cấp các thông tin cần thiết, được tiến hành các cuộc điều tra không báo trước hay các cuộc phỏng vấn chủ thể có liên quan... và sau cùng là đưa ra các quyết định liên quan đến xử lý các hành vi phản cạnh tranh cũng như các quyết định cho phép hoặc từ chối các doanh nghiệp và quốc gia thành viên được tiến hành các hoạt động nhất định nào đó. Tại EU, Tổng cục Cạnh tranh (Directorate-General for Competition) thuộc Ủy ban châu Âu chịu trách nhiệm chính về thực thi quyền hạn trực tiếp này với các bộ phận cấu thành và giúp việc phức tạp.¹³ Trong quá trình thực thi pháp luật cạnh tranh tại EU, Ủy ban châu Âu có thẩm quyền rất rộng lớn, ví dụ: được vào bất kỳ cơ sở, vùng đất hoặc bất kỳ phương tiện vận tải nào của công ty; được kiểm tra sổ sách kinh doanh và các hồ sơ khác liên quan của doanh nghiệp; được lấy hoặc lấy dưới mọi hình thức sao chép hoặc trích xuất từ sổ sách hoặc hồ sơ đó; được niêm phong bất kỳ cơ sở kinh doanh nào và sổ sách hoặc hồ sơ trong khoảng thời gian và trong phạm vi cần thiết cho cuộc kiểm tra; được hỏi bất kỳ đại diện công ty hoặc thành viên của công ty để được giải thích về các sự kiện hoặc tài liệu liên quan đến đối tượng và mục đích của cuộc kiểm tra và ghi lại các câu trả lời đó [11].

Thứ hai, AEC cần có cơ chế giải quyết khiếu nại hoặc khởi kiện của các bên liên quan đến quyết định xử lý các hành vi phản cạnh tranh. Các quyết định xử lý các hành vi phản cạnh tranh của cơ quan có thẩm quyền không phải lúc nào cũng có thể nhận được sự đồng thuận của các bên. Do đó, khi một hoặc các bên không đồng ý với các quyết định đó, cần có cơ chế để họ bảo vệ quyền lợi của mình. Những cơ quan này cần phải được tổ chức đảm bảo tính trung lập, khách quan, công bằng với đầy đủ chuyên môn nghiệp vụ chuyên sâu. Ngoài ra, cũng phải thiết lập cơ chế hai cấp để bảo đảm tính hợp pháp và tính có căn cứ của các quyết định bởi các quyết định này có ảnh hưởng rất lớn đến các chủ thể nói riêng và nền kinh tế nội khối nói chung. Tại EU, các bên có thể kháng cáo quyết định lên Tòa án Chung (mang tính chất sơ thẩm) và Tòa án Chung có thể hủy bỏ quyết định, ra lệnh tái điều tra hoặc giữ nguyên quyết định của Ủy ban châu Âu. Các bên hoặc Ủy ban châu Âu, nếu không đồng ý với quyết định của Tòa án Chung, có thể khởi kiện lên ECJ.

¹³ Cơ cấu tổ chức của Tổng cục Cạnh tranh thuộc Ủy ban châu Âu có thể xem tại https://ec.europa.eu/dgs/competition/directory/organi_en.pdf, truy cập ngày 15/2/2021

Về cơ chế hài hoà hoá mối quan hệ giữa cơ quan thực thi khu vực và quốc gia thành viên. Để có thể hài hoà hoá mối quan hệ giữa cơ quan thực thi pháp luật cạnh tranh khu vực và quốc gia thành viên, *trước hết*, cần có sự thống nhất về nội dung pháp luật cạnh tranh được áp dụng trên thị trường nội khối. Hay chính xác hơn, trong các trường hợp phức tạp, AEC cần có cơ quan có thẩm quyền giải thích pháp luật cạnh tranh để tất cả các cơ quan cạnh tranh của các quốc gia thành viên có thể áp dụng thống nhất với nhau. Tại EU, cơ quan thực thi pháp luật cạnh tranh của các quốc gia thành viên có thể hoặc bắt buộc phải tham khảo quan điểm của ECJ liên quan đến việc giải thích luật EU, để cơ quan này có thể xác định chắc chắn, ví dụ, liệu luật pháp quốc gia có tuân thủ quy định nào đó hay không.

Thứ hai, cần có cơ chế phối hợp và điều phối thẩm quyền giữa cơ quan thực thi cấp khu vực và cấp quốc gia để đảm bảo việc giải quyết các vụ việc phản cạnh tranh ảnh hưởng đến thị trường nội khối được giải quyết chính xác và hiệu quả. Tại EU, Quy định số 1/2003¹⁴ đã thành lập một mạng lưới các cơ quan cạnh tranh được gọi là Mạng lưới Cạnh tranh Châu Âu (European Competition Network). Mạng lưới này thiết lập cơ chế phân bổ tối ưu các vụ việc giữa Ủy ban châu Âu và các cơ quan cạnh tranh quốc gia cũng như đặt ra các quy tắc cho việc trao đổi thông tin bởi vì có một sự phân nhiệm phi tập trung cho việc ra các quyết định và thực thi trong lĩnh vực luật cạnh tranh trong EU. Cụ thể, các cơ quan cạnh tranh quốc gia đã được trao quyền để áp dụng luật cạnh tranh châu Âu, ngay cả trong những trường hợp vụ việc có các yếu tố liên quan đến bên ngoài biên giới của quốc gia đó. Đây là một phần của cải cách năm 2004 của Quy định số 1/2003. Theo Khoản 1, Điều 15 của quy chế mới này, các cơ quan cạnh tranh quốc gia có thể yêu cầu Ủy ban châu Âu cung cấp thông tin hoặc ý kiến của mình khi áp dụng luật cạnh tranh và được phép hợp tác với Ủy ban và cơ quan cạnh tranh của các quốc gia thành viên khác để thúc đẩy việc áp dụng thống nhất các quy tắc cạnh tranh. Tuy nhiên, Ủy ban vẫn đóng vai trò trung tâm vì nó có thể can thiệp vào các thủ tục tố tụng quốc gia đồng thời có thể giúp tăng cường năng lực của các cơ quan cạnh tranh địa phương.

5.3. Xây dựng khuôn khổ pháp luật cạnh tranh phù hợp với nhóm doanh nghiệp vừa và nhỏ – kinh nghiệm từ Liên minh châu Âu

Trên thị trường EU, các doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEs), một mặt do những hạn chế từ quy mô kinh doanh, thường xuyên gặp phải những khó khăn trong cạnh tranh với các doanh nghiệp lớn trên thị trường, ví dụ như tỷ giá hối đoái thực không cạnh tranh, khả năng tiếp cận tài chính hạn chế, thủ tục quan liêu rườm rà trong việc thiết lập, vận hành và phát triển đang cản trở sự phát triển chung của SMEs... Mặt khác, thực tế cho thấy, tại EU, SMEs cũng có thể nắm giữ sức mạnh thị trường đáng kể trong các thị trường địa lý hoặc thị trường sản phẩm hẹp, đặc biệt là những thị trường bị bảo hộ với cấu trúc không được minh thị và có mức độ đổi mới thấp thường có xu hướng tham gia vào các thoả thuận phản cạnh tranh, ví dụ như các hãng

¹⁴ Council Regulation 1/2003/EC.

taxi truyền thống liên kết với nhau để loại bỏ các nền tảng cung ứng dịch vụ gọi xe công nghệ. Trước những đòi hỏi và mâu thuẫn nội tại này, EU đã thiết lập khung pháp lý cạnh tranh tương thích với đặc điểm SMEs. Đó chính là lý do giải thích cho đóng góp nổi bật của SMEs cho nền kinh tế EU.¹⁵

Các doanh nghiệp vừa và nhỏ đóng một vai trò rất quan trọng với thị trường ASEAN khi các thành viên AEC đa phần là các quốc gia đang phát triển. Vai trò của SMEs thể hiện thông qua các khía cạnh như SMEs thường chiếm hơn 90% tổng số doanh nghiệp ngoài ngành nông nghiệp, tạo nguồn việc làm chính và tạo ra thu nhập đáng kể trong nước và xuất khẩu [12]. Các doanh nghiệp vừa và nhỏ cũng nổi lên như một công cụ quan trọng trong các nỗ lực xóa đói giảm nghèo. Do đó, việc thiết kế khuôn khổ pháp luật cạnh tranh dành riêng cho SMEs tại AEC từ việc học hỏi kinh nghiệm của EU là đòi hỏi cấp thiết và cần tập trung vào các nội dung chủ yếu sau:

Thứ nhất, cần quy định các điều khoản loại trừ (ngoại lệ) cho những thỏa thuận hạn chế cạnh tranh của SMEs. Trong nội dung này, pháp luật cạnh tranh của AEC trong tương lai cần triệt để vận dụng *nguyên tắc không đáng kể*. Nguyên tắc này đòi hỏi việc điều tra và xử lý các hành vi thỏa thuận hạn chế cạnh tranh phải dựa trên tác động của hành vi lên thị trường nội khối. Nói cách khác, nếu các thỏa thuận hạn chế cạnh tranh không tác động hoặc không có khả năng gây tác động đến thị trường nội khối thì sẽ không bị xử lý. Nguyên tắc không đáng kể được thể hiện rõ nét qua các văn bản pháp luật cạnh tranh EU, trong đó nổi bật nhất là Thông báo De Minimis (*De Minimis Notice*)¹⁶ đầu tiên được ban hành vào năm 2001 và được sửa đổi vào năm 2014. Bên cạnh đó, đi kèm với Thông báo về Nguyên tắc không đáng kể, còn có một tài liệu Hướng dẫn riêng về hạn chế cạnh tranh "theo đối tượng" (*Guidance on restrictions of competition "by object"*) với mục đích xác định những thỏa thuận nào có thể được áp dụng Thông báo về Nguyên tắc không đáng kể.¹⁷ Cả Thông báo về Nguyên tắc không đáng kể và Hướng dẫn đều hữu ích cho SMEs làm giảm gánh nặng và chi phí của các SMEs đối với việc tuân thủ các quy tắc cạnh tranh của EU và giúp họ dễ dàng đánh giá liệu các thỏa thuận của mình có được đề cập trong Thông báo về Nguyên tắc không đáng kể hay không. Hơn nữa, Thông báo về Nguyên tắc không đáng kể có một lợi thế đặc biệt đối với SMEs vì các SME khi tham gia vào các thỏa thuận hạn chế cạnh tranh thường có tổng doanh thu hàng năm và tổng bảng cân đối kế toán không vượt quá 40 triệu euro và 27 triệu euro cũng như có tối đa 250 nhân viên thì sẽ rất

¹⁵ Theo thống kê của Nghị viện châu Âu, riêng trong năm 2015, chỉ dưới 23 triệu SMEs đã tạo ra 3,9 nghìn tỷ euro giá trị gia tăng và sử dụng 90 triệu người lao động, được xem là nguồn lực tinh thần kinh doanh và đổi mới thiết yếu, rất quan trọng đối với khả năng cạnh tranh của các công ty EU, xem thêm tại <https://www.europarl.europa.eu/factsheets/en/sheet/63/small-and-medium-sized-enterprises> (truy cập ngày 20/2/2021)

¹⁶ Commission Notice on agreements of minor importance which do not appreciably restrict competition under Article 81(1) of the Treaty establishing the European Community (de minimis) (1) (2001/C 368/07). Xem thêm tại <https://eur-lex.europa.eu/legal-content/en/ALL/?uri=CELEX%3A52014XC0830%2801%29> (truy cập ngày 23/1/2020).

¹⁷ Xem thêm tại https://ec.europa.eu/competition/antitrust/legislation/de_minimis_notice_annex.pdf (truy cập ngày 16/2/2021)

hiếm khi có khả năng ảnh hưởng đáng kể đến thương mại giữa các quốc gia thành viên, về nguyên tắc không bị Ủy ban điều tra. Do đó, để tạo thêm động lực và niềm tin cho các SME trong việc thực hiện các hoạt động kinh doanh của mình trên thị trường, pháp luật cạnh tranh của AEC cần có những quy định tương tự bởi vì sự tích cực của các SMEs, đặc biệt các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, là một kênh để thúc đẩy việc thiết lập thành công thị trường chung tại ASEAN năng động và phát triển.

Thứ hai, cần có các quy định cởi mở cho phép các SME nhận trợ cấp chính phủ. Trợ cấp chính phủ là những hỗ trợ về tài chính dưới nhiều hình thức mà nhà nước hoặc một tổ chức công mang lại lợi ích cho các doanh nghiệp và sẽ đặt các doanh nghiệp này vào vị trí lợi thế trong cạnh tranh. Vì vậy, trợ cấp chính phủ sẽ gây ra hậu quả phản cạnh tranh trên thị trường và sẽ bị cấm theo pháp luật cạnh tranh EU. Tuy nhiên, riêng đối với SMEs, trợ cấp sẽ được cho phép trong một số trường hợp ngoại lệ được ghi nhận tại Các quy định miễn trừ chung của khối đối với viện trợ của Nhà nước (*General Block Exemption Regulations for State aid*) với các quy định nổi bật như Hỗ trợ đầu tư cho SMEs (Điều 17), Hỗ trợ tư vấn có lợi cho SMEs (Điều 18), Hỗ trợ các SME tham gia hội chợ thương mại (Điều 19), Hỗ trợ chi phí hợp tác đối với các SME tham gia các dự án Hợp tác lãnh thổ châu Âu (Điều 20), Hỗ trợ tài chính rủi ro (Điều 21), Hỗ trợ cho các công ty khởi nghiệp (Điều 22), Hỗ trợ cho các nền tảng giao dịch thay thế chuyên dụng cho SMEs (Điều 23)... Các quy định này là một nội dung trọng yếu trong luật cạnh tranh liên quan đến SMEs mà AEC cần học hỏi. Đây chính là câu trả lời của EU cho câu hỏi lớn nhất về SMEs trong thị trường đơn nhất: “Làm thế nào để đạt được sự cân bằng giữa nhiệm vụ bảo vệ SMEs và duy trì cạnh tranh tự do và công bằng?” Một mặt, các quy định về trợ cấp chính phủ có thể đồng thời giúp SMEs thu hẹp khoảng cách cũng như xóa bỏ các điều kiện bất lợi của họ bằng các chính sách lớn thông qua sự giúp đỡ đa dạng của chính phủ. Mặt khác, việc có các quy định minh bạch sẽ giúp vạch ra các giới hạn để các chính phủ thành viên không thể can thiệp và bóp méo cạnh tranh trong thị trường nội khối.

Bên cạnh pháp luật, AEC cũng cần có các chính sách cạnh tranh khác hỗ trợ và nâng cao năng lực cạnh tranh cho SMEs như tăng cường khả năng tiếp cận tài chính cho SMEs; giảm thiểu đến mức tối đa các rào cản và gánh nặng về hành chính cho SMEs, đặc biệt là trong quy trình khởi nghiệp của SMEs; có các công cụ bảo vệ tốt hơn các tài sản trí tuệ của SMEs; tạo môi trường hỗ trợ tốt hơn và toàn diện hơn cho hoạt động nghiên cứu và đổi mới sáng tạo của các SME, v.v.

6. Kết luận

Xu hướng bảo hộ, sự gia tăng của phong trào chống chủ nghĩa đa phương và rào cản phi thuế quan là mối lo ngại chung của kinh tế thế giới và nền kinh tế ASEAN trong tương lai. Để thúc đẩy hợp tác thương mại nội khối, nâng cao năng lực cạnh tranh cho toàn bộ các quốc gia thành viên, đã đến lúc, AEC phải thực sự tích cực trong việc xây dựng các cơ chế chung về kinh

tế. Trong đó, AEC cần đặc biệt nhanh chóng thiết lập khung pháp lý hoàn thiện về cạnh tranh cấp khu vực để đảm bảo cho sự gỡ bỏ tối đa các rào cản thương mại ngăn cách nền kinh tế, khơi thông dòng chảy vốn, nhân lực, hàng hoá, dịch vụ trên toàn bộ lãnh thổ của ASEAN như cách thức mà EU đã áp dụng và thành công. Tuy nhiên, việc học hỏi kinh nghiệm từ EU luôn đòi hỏi sự chọn lọc kỹ càng để đảm bảo sự phù hợp với điều kiện kinh tế – chính trị – xã hội của AEC. Hy vọng rằng, công trình nghiên cứu này đã giải quyết được những câu hỏi đặt ra và sẽ là một viên gạch nhỏ trong tiến trình xây dựng pháp luật cạnh tranh góp phần tạo thành công cho thị trường đơn nhất cho AEC trong tương lai không xa.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Craig, Paul, Grainne De Burca, P. P. Craig (2007), *EU Law: Text, Cases and Materials* (fourth ed.). Oxford: Oxford University Press.
2. Lucia Iordache (2014), *The Single Market and EU Competition Law - Two Pillars of the European Union*, Global Economic Observer, Volume 2, Issue 1.
3. Steve Suranovic (2012), *International trade: Theory and Policy*, The International Economics Study Center, <http://internationalecon.com/Trade/Tch110/T110-2.php>.
4. Renato Nazzini (2006), "Article 81 EC between Time Present and Time Past: A Normative Critique of "Restriction of Competition" in EU Law", *Common Market Law Review*, pg. 497.
5. Buendia Sierra, José Luis (1999), *Exclusive Rights and State Monopolies under EC Law Article 86 (formerly Article 90) of the EC Treaty*, Oxford University Press, p. 176.
6. Sybe de Vries (2012), Consumer protection and the EU Single Market rules – The search for the 'paradigm consumer', 1, *Journal of European Consumer and Market Law*, 4, 228–242, <https://kluwerlawonline.com/journalarticle/Journal+of+European+Consumer+and+Market+Law/1.4/EuCML2012033>.
7. Svend Albæk (2013), *Consumer Welfare in EU Competition Policy*, p. 68-70, xem thêm tại http://ec.europa.eu/dgs/competition/economist/consumer_welfare_2013_en.pdf
8. Đại học Ngoại thương Hà Nội (2009), *Giáo trình Luật Cạnh tranh*, Nxb. Giáo dục Việt Nam.
9. Đại học Luật Hà Nội (2020), *Giáo trình Luật Cạnh tranh*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội.
10. Marcin Szczepeński (2014), *EU competition policy: key to a fair Single Market – in-depth analysis*, European Parliamentary Research Service.
11. European Commission (2014), *The EU explained: Competition*, Publications Office of the European Union, p. 6;

12. OECD (2004,), *Second OECD conference of Ministers responsible for small and medium-sized enterprises (SMEs) promoting entrepreneurship and innovative SMEs in a global economy: Towards a more responsible and inclusive globalisation*, Istanbul-Turkey, executive summary.
13. Luật Cạnh tranh số 23/2018/QH14 (Công báo/Số 773 + 774/Ngày 12-7-2018), <http://congbao.chinhphu.vn/noi-dung-van-ban-so-23-2018-qh14-26888?cbid=23064>.
14. The Singapore Competition Act (Original Enactment: Act 46 of 2004 and revised in 31st January 2006), <https://sso.agc.gov.sg/Act/CA2004> .
15. The Thailand Trade Competition Act B.E. 2560, <https://otcc.or.th/trade-competition-act-b-e-2560/?lang=en>.